

SỞ DG & ĐT TP ĐÀ NẴNG <b>TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYẾN</b> (Đề thi có 02 trang)	<b>KIỂM TRA CUỐI KÌ II NĂM HỌC 2025 - 2026</b> <b>MÔN: ĐỊA LÍ 11</b> Thời gian làm bài: 45 (không kể thời gian phát đề)
Họ và tên: .....Lớp: 11/...	Số báo danh: .....

### A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

**MÃ ĐỀ : 1002**

### PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN ( 3 Điểm )

**Câu 1.** Liên Bang Nga có diện tích lãnh thổ

- A. lớn thứ hai thế giới, sau Hoa Kỳ.      B. lớn nhất thế giới, nằm hoàn toàn ở châu Âu.  
C. lớn thứ ba thế giới, sau Hoa Kỳ và Trung Quốc.      D. lớn nhất thế giới và nằm ở cả hai châu lục Á và Âu.

**Câu 2:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với dân cư - xã hội Liên Bang Nga?

- A. Người Nga là dân tộc chủ yếu.      B. Mật độ dân số trung bình rất cao.  
C. Tỷ lệ dân sống ở thành thị lớn.      D. Nhiều người di cư ra nước ngoài.

**Câu 3.** Ngành nông nghiệp Liên Bang Nga phát triển mạnh ở vùng nào dưới đây?

- A. Đồng bằng Tây Xi-bia, dãy U-ran.      B. Vùng phía đông.  
C. Đồng bằng Đông Âu, đồng bằng Tây Xi-bia.      D. Vùng phía nam.

**Câu 4:** Nhật Bản nằm trong khu vực hoạt động chủ yếu của gió nào sau đây?

- A. Gió mùa.      B. Gió Tây.      C. Đông cực.      D. Gió phơn.

**Câu 5:** Dân cư Nhật Bản phân bố tập trung ở

- A. các vùng núi ở giữa.      B. dọc các dòng sông.  
C. ở các sườn núi thấp.      D. đồng bằng ven biển.

**Câu 6:** Công nghiệp gỗ, giấy tập trung chủ yếu ở đảo Hô-cai-đô do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Nguồn nguyên liệu phong phú.      B. Vị trí địa lý nhiều thuận lợi.  
C. Nguồn lao động rất dồi dào.      D. Cơ sở hạ tầng phát triển mạnh.

**Câu 7:** Hình thức chăn nuôi chủ yếu ở Nhật Bản là

- A. hộ gia đình.      B. du mục.      C. quảng canh.      D. trang trại

**Câu 8:** Địa hình chủ yếu của miền Tây Trung Quốc là

- A. núi thấp, bán bình nguyên xen bồn địa.      B. đồng bằng và đồi núi thấp.  
C. núi cao và sơn nguyên đồ sộ xen bồn địa.      D. núi và đồng bằng châu thổ.

**Câu 9:** Trong khoảng hai thập niên cuối thế kỉ XX, Trung Quốc đứng đầu thế giới về

- A. tổng sản phẩm quốc nội.      B. QDP bình quân đầu người.  
C. tốc độ tăng trưởng kinh tế.      D. đầu tư nước ngoài (FDI).

**Câu 10:** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với vị trí địa lý của Hoa Kỳ?

- A. Nằm ở bán cầu Đông, giáp Ấn Độ Dương.      B. Giáp Đại Tây Dương và Thái Bình Dương.  
C. Tiếp giáp Ca-na-đa và khu vực Mỹ La-tinh.      D. Ở trên lục địa Bắc Mỹ, giáp với Mê-hi-cô.

**Câu 11:** Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp của Hoa Kỳ thay đổi theo hướng

- A. tăng ngành khai thác, tăng ngành chế biến.      B. giảm ngành chế biến, tăng ngành khai thác.  
C. giảm ngành truyền thống, tăng ngành hiện đại.      D. giảm ngành hiện đại, tăng ngành truyền thống.

**Câu 12:** Hình thức sản xuất chủ yếu trong nông nghiệp Hoa Kỳ là

- A. hộ gia đình.      B. thể tổng hợp nông nghiệp.  
C. trang trại      D. hợp tác xã nông nghiệp.

### II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG, SAI ( 2 Điểm )

Thí sinh trả lời các câu hỏi sau. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Cho thông tin sau:

Phần lớn lãnh thổ Trung Quốc có khí hậu ôn đới, khu vực phía nam có khí hậu cận nhiệt đới và nhiệt đới. Khí hậu phân hoá rõ rệt. Miền Tây có khí hậu lục địa khô hạn, lượng mưa ít, nhiệt độ chênh lệch khá lớn giữa ngày đêm và các mùa. Miền Đông có khí hậu gió mùa nóng ẩm, mưa nhiều vào mùa hạ và lạnh khô vào mùa đông. Trên các núi và sơn nguyên cao có kiểu khí hậu núi cao; mùa đông lạnh, mùa hạ mát.

- a) Phần lớn lãnh thổ Trung Quốc có khí hậu ôn đới.
- b) Lượng mưa ở miền Tây Trung Quốc cao hơn so với miền Đông.
- c) Miền Tây Trung Quốc chủ yếu có khí hậu ôn đới hải dương.
- d) Khí hậu có sự phân hóa rõ rệt là điều kiện thuận lợi để Trung Quốc đa dạng hóa cơ cấu nông nghiệp.

**Câu 2:** Cho thông tin sau:  
*Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản Nhật Bản có vai trò quan trọng trong nền kinh tế. Mặc dù tỷ lệ đóng góp vào GDP của ngành này chỉ chiếm một phần rất nhỏ và thu hút khoảng 3% lực lượng lao động (năm 2020). Nhật Bản có diện tích đất nông nghiệp hạn chế, chủ yếu là đồi núi, khiến cho nền nông nghiệp ở đây phải đối mặt với nhiều thách thức. Đối lại, Nhật Bản có vùng biển rộng lớn, nguồn sinh vật biển phong phú, nhiều ngư trường... Đây là điều kiện để phát triển ngành thủy sản.*

- a) Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ lệ lớn trong GDP của Nhật Bản.
- b) Nền nông nghiệp ở Nhật Bản đối mặt với nhiều thách thức.
- c) Ngành nuôi trồng thủy sản Nhật Bản có điều kiện phát triển nhờ vùng biển rộng, nguồn sinh vật biển phong phú và có nhiều ngư trường.
- d) Nhật Bản áp dụng công nghệ cao, hiện đại để khắc phục những khó khăn trong sản xuất nông nghiệp.

**PHẦN III. TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN ( 2 Điểm )**

**Câu 1.** Năm 2020, Liên Bang Nga có 145,9 triệu người, số dân nông thôn là khoảng 36,8 triệu người (Nguồn: UN, 2022). Tính tỉ lệ dân **nông thôn** của Liên bang Nga năm 2020 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %).

**Câu 2.** Tính số dân trong độ tuổi từ 15 đến 64 tuổi của Nhật Bản (triệu người), biết tổng số dân năm 2020 là 126,2 triệu người, tỉ lệ người từ 15 đến 64 tuổi chiếm 59%. (Làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của triệu người)

**Câu 3.** Năm 2020, Nhật Bản có tổng giá trị xuất nhập khẩu là 1276,7 tỉ USD. Biết giá trị **nhập khẩu** năm 2020 là 635.4 tỉ USD. Tính cán cân xuất nhập khẩu của Nhật Bản năm 2020 là bao nhiêu tỉ USD

**Câu 4.** Biết tổng GDP của Trung Quốc năm 2020 là 14 688 tỉ USD, tỉ trọng khu vực dịch vụ trong cơ cấu GDP của Trung Quốc chiếm 54,5%. Hãy cho biết giá trị khu vực Dịch vụ của Trung Quốc năm 2020 là bao nhiêu tỉ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD)

**B. TỰ LUẬN: (3,0 điểm)**

**Câu 1:( 1 Điểm )** Giải thích lí do vì sao Nhật Bản chú trọng đầu tư cho giáo dục?

**Câu 2: ( 2 Điểm )** Cho bảng số liệu sau:

**TRỊ GIÁ XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN 1978 – 2020**  
(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	1978	1990	2000	2010	2020
Trị giá					
Xuất khẩu	6,8	44,9	253,1	1 602,5	2 723,3
Nhập khẩu	7,6	35,2	224,3	1 380,1	2 357,1

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)

- a.Theo bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi cơ cấu trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ của Trung Quốc giai đoạn 1978 - 2020, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?
- b. Nhận xét giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Trung Quốc gia đoạn từ 1978 – 2020.

.....**HẾT**.....